

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Thắng;

2. Ông Phạm Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Tĩnh Hưng, xã Hưng Khánh, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt có lý do).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Xuân L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Tĩnh Hưng, xã Hưng Khánh, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 09/8/2004 (Giấy đăng ký số: 63/2004 ngày 09/8/2004). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Tĩnh Hưng, xã Hưng Khánh, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Trần Thị Nh xác định vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L cờ bạc, gái gú. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trần Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân L.

Về con chung: Chị và anh Trần Xuân L có hai con chung là Trần Thị Phương Thu, sinh ngày 20-5-2005 và Trần Thị Thanh Thủy, sinh ngày 30-12-2010. Cháu Trần Thị Phương Thu đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thị Thanh Thủy, không yêu cầu anh Trần Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận, tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh Trần Xuân L nhưng bị đơn anh Trần Xuân L không đến Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Trần Xuân L.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Trần Xuân L.

- Về con chung: Chị Trần Thị Nh và anh Trần Xuân L có hai con chung là Trần Thị Phương Thu, sinh ngày 20-5-2005 và Trần Thị Thanh Thủy, sinh ngày 30-12-2010. Cháu Trần Thị Phương Thu đã trưởng thành không xem xét giải quyết. Giao cháu Trần Thị Thanh Thủy, sinh ngày 30-12-2010 cho chị Trần Thị Nh trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Thủy đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Trần Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Trần Thị Nh có đơn xin ly hôn với anh Trần Xuân L, nơi cư trú: Thôn Tĩnh Hưng, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn chị Trần Thị Nh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Xuân L được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] *Về thủ tục hoà giải:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, giao nhận,

tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh Trần Xuân L nhưng anh Lộc không có mặt tại Toà án. Căn cứ vào Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được nên Toà án nhân dân huyện Trấn Yên đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh và anh Trần Xuân L có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày ngày 09/8/2004 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị Trần Thị Nh thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L cờ bạc, gài gút về đánh vợ. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không cải thiện được và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh Trần Xuân L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh Trần Xuân L đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Dẫn đến hôn nhân giữa chị Trần Thị Nh và anh Trần Xuân L ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Trần Xuân L theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Nh và anh Trần Xuân L có hai con chung là Trần Thị Phương Thu, sinh ngày 20-5-2005 và Trần Thị Thanh Thủy, sinh ngày 30-12-2010. Cháu Trần Thị Phương Thu đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn, chị Nh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thị Thanh Thủy cho đến khi cháu Thủy đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Trần Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Xuân L không có ý kiến về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu Trần Thị Thanh Thủy cho chị Trần Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh L không cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Thủy đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là hợp tình, hợp lý.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh Trần Xuân L chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản và nợ chung.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Trần Xuân L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh Thủy, sinh ngày 30-12-2010 cho chị Trần Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Trần Xuân L không cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Thủy đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Nh phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000421 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Hưng Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh